TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 432/2017/HSST

Ngày: 27/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dâ*n:

1. Ông Trần Công Danh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Huyền – Cán bộ Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Huỳnh Tấn Nhứt – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 449/2017/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**. Sinh năm 1979.

Tên gọi khác: Không có.

Nơi đăng ký NKTT: 217, khu phố 4, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: như trên.

Trình độ học vấn: lớp 12/12. Nghề nghiệp: Không.

Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1952 (đã chết) và bà Khổng Thị V, sinh năm: 1955 (còn sống).

Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình, có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985, có 01 con sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2002, bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại huyện X, tỉnh Đồng Nai, thời gian là 24 tháng.

Bị bắt tạm giam ngày 27-4-2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: 535/33, tổ 27, khu phố 2A, phường Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn T, bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Anh S (T) ngụ tại 2/9/3, khu phố 4, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa và Nguyễn Văn T đều là những người nghiện ma túy. Để có tiền tiêu xài. Vào ngày 26-4-2017, S rủ T đi cướp giật tài sản. Sau đó T điều khiển xe môtô biển số 72L8-1544, chở S đi từ phường T. Khi cả hai đi đến đoạn đường P, thuộc khu phố 1, phường T, TP. Biên Hòa nhìn thấy chị Trịnh Thị T, ngụ tại 535/33, khu phố 3, phường L, thành phố Biên Hòa đang ngồi ở lề đường và sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Asus Zenfone 5 chơi game. T liền điều khiển xe môtô áp sát vào chị T để S ngồi sau dùng tay giật chiếc điện thoại của chị T, rồi T điều khiển xe tăng ga bỏ chạy. Sự việc xảy ra chị T truy hô thì có anh Nguyễn Đình K, ngụ tại 6/3, khu phố 3, phường B, thành phố Biên Hòa đang điều khiển xe đi trên đường nghe thấy nên dùng xe môtô đuổi theo S và T, đến đường hẻm (Cầu V) thuộc phường T thì anh K cùng với quần chúng nhân dân bắt giữ được T giao Công an phường T, riêng S bỏ chạy thoát.

* Vật chứng trong vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus Zenfone 5 đã được thu hồi giao cho chị T. Do trong lúc bị bắt T đã làm rơi điện thoại xuống đất làm màn hình điện thoại di động bị vỡ, nên chị T yêu cầu Nguyễn Văn T phải bồi thường 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Hiện T chưa bồi thường.

- 01 chiếc xe môtô biển số 72L8-1544, số khung WCH2UM7XG 02971, số máy 1P52FMH 002971 là phương tiện S và T sử dụng, Thanh khai xe của Sang. Qua xác minh, xác định xe trên do ông Nguyễn Văn T, địa chỉ 37/2, đường C, phường 3, thành phố Vũng Tàu đứng tên. Hiện ông T đã chết và gia đình đã bỏ đi nơi khác sinh sống nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc và xử lý sau.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 106/TCKH-HĐĐG ngày 10-5-2017, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã kết luận: "01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus Zenfone 5, số Imei 357002066539276, có giá trị là 299.000đ (Hai trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Tại cáo trạng số 450/CT/VKS-HS ngày 12 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh nêu trên; đề nghị Hội đồng

xét xử vận dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo Nguyễn Văn T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội gây thiệt hại không lớn và lần đầu phạm tội. Căn cứ điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của người bị hại theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo T không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo sớm được trở lại cộng đồng xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

- Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 26-4-2017, bị cáo điều khiển xe môtô biển số 72L8-1544 chở Nguyễn Anh S ngồi phía sau và đã có hành vi nhanh chóng chiếm đoạt trái phép tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus Zenfone 5 của chị Trịnh Thị T khi chị T đang ngồi sử dụng điện thoại ở lề đường P, thuộc khu phố 1, phường T, TP Biên Hòa một cách công khai rồi tẩu thoát thì T bị quần chúng nhân dân bắt giữ, còn S đã chạy thoát. Tại bản kết luận định giá tài sản số 106/TCKH-HĐĐG ngày 10-5-2017, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã kết luận: " 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus Zenfone 5, số Imei 357002066539276, có giá trị là 299.000đ (Hai trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Xét lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các

tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 136 của Bộ luật Hình sự.

- Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình cho quần chúng nhân dân.

Việc bị cáo đã sử dụng phương tiện xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ để thực hiện hành vi cướp giật tài sản rồi điều khiển xe tăng ga bỏ chạy, có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại và của những người khác khi đang tham gia giao thông. Nên hành vi này của bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung trách nhiệm hình sự "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình.

Do vậy, cần phải có một mức án nghiêm, tương xứng với tích chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng thiệt hại không lớn và bị cáo lần đầu phạm tội. Do vậy, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus Zenfone 5 đã được thu hồi giao cho chị T, nên không đặt ra xem xét.

+ 01 chiếc xe môtô biển số 72L8-1544, số khung WCH2UM7XG 02971, số máy 1P52FMH 002971, bị cáo khai xe này của Nguyễn Anh S là phương tiện S và bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Qua xác minh, xác định chiếc xe trên do ông Nguyễn Văn T, địa chỉ 37/2, đường C, phường 3, thành phố Vũng Tàu đứng tên. Hiện ông T đã chết và gia đình đã bỏ đi nơi khác sinh sống nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc và xử lý sau.

- Về trách nhiệm dân sự: Do trong lúc bị bắt bị cáo đã làm rơi điện thoại xuống đất làm màn hình điện thoại di động bị vỡ, chị Trịnh Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho chị T số tiền trên, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với Nguyễn Thanh S, sau khi phạm tội đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội "Cướp giật tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn T **03 (Ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 27/4/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ phải bồi thường cho chị Trịnh Thị T số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trịnh Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Hùng